

Số: 06 /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thành tổ chức có tư cách pháp nhân;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-ĐHNLBG-TCHC ngày 28/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Theo nội dung biên bản họp ngày 03/01/2024 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 23,24/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 226 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 23,24/12/2023 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thuộc Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
Phạm Bảo Dương

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **06** /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày **04** tháng **01** năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
						Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT2931	Nguyễn Văn Chiến	25/10/2002	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	Đạt
2	CNTT2932	Nguyễn Văn Thành Công	13/03/2002	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,5	Đạt
3	CNTT2933	Nguyễn Đức Cường	28/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	Đạt
4	CNTT2934	Nguyễn Quốc Cường	24/07/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	Đạt
5	CNTT2935	Đỗ Văn Dũng	01/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
6	CNTT2936	Nguyễn Hoàng Hà	06/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	Đạt
7	CNTT2937	Nguyễn Văn Hải	26/08/2002	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	Đạt
8	CNTT2938	Nguyễn Hữu Hân	01/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
9	CNTT2939	Nguyễn Đắc Hậu	19/11/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	Đạt
10	CNTT2940	Huỳnh Đức Hiếu	11/11/2000	Tuyên Quang	Nam	6,7	5,5	Đạt
11	CNTT2941	Nguyễn Thị Phương Hoa	31/10/1974	Bắc Ninh	Nữ	7,5	6,5	Đạt
12	CNTT2942	Trịnh Tiến Hoàn	03/05/1999	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	Đạt
13	CNTT2943	Đỗ Việt Hoàng	06/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
14	CNTT2944	Đỗ Văn Huy	31/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt
15	CNTT2945	Phạm Hữu Khánh	31/07/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	7,2	5,5	Đạt
16	CNTT2946	Nguyễn Công Mạnh	15/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	Đạt
17	CNTT2947	Nguyễn Đăng Bình Minh	07/11/2004	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
18	CNTT2948	Nguyễn Tuấn Minh	06/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	Đạt
19	CNTT2949	Lê Thế Nam	30/04/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	Đạt
20	CNTT2950	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/03/1976	Bắc Ninh	Nữ	7,7	6,0	Đạt
21	CNTT2951	Nguyễn Xuân Nhật	25/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	Đạt
22	CNTT2952	Hoàng Kim Phước	29/03/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,5	Đạt
23	CNTT2953	Trịnh Văn Quang	17/03/1999	Bắc Ninh	Nam	8,0	6,0	Đạt
24	CNTT2954	Lê Văn Sơn	06/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	8,0	Đạt
25	CNTT2955	Đỗ Đức Tài	24/11/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
26	CNTT2956	Nguyễn Đức Tâm	13/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
27	CNTT2957	Nguyễn Văn	Thanh	17/07/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
28	CNTT2958	Nguyễn Đức	Thành	06/03/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	Đạt
29	CNTT2959	Nguyễn Văn	Thành	24/10/2005	Hà Nội	Nam	6,2	7,0	Đạt
30	CNTT2960	Nguyễn Văn	Tiến	20/12/2003	Hà Nội	Nam	7,0	6,5	Đạt
31	CNTT2961	Dương Văn	Tráng	06/04/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	Đạt
32	CNTT2962	Nguyễn Quốc	Triệu	29/05/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	Đạt
33	CNTT2963	Nguyễn Hùng	Trường	28/07/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
34	CNTT2964	Đỗ Quang	Vinh	06/07/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	Đạt
35	CNTT2965	Nguyễn Thành	Vinh	04/05/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	Đạt
36	CNTT2966	Đặng Nguyễn	Vũ	01/09/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	7,5	Đạt
37	CNTT2967	Nguyễn Đăng	Xuân	01/01/2004	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	Đạt
38	CNTT2968	Nguyễn Thành	An	01/08/2001	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	Đạt
39	CNTT2969	Đặng Quang	Biển	01/09/2002	Bắc Ninh	Nam	7,5	7,0	Đạt
40	CNTT2970	Trần Quang	Câu	10/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	Đạt
41	CNTT2971	Nguyễn Trọng	Cường	03/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	Đạt
42	CNTT2972	Nguyễn Mạnh	Dũng	20/01/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,5	Đạt
43	CNTT2973	Nguyễn Tùng	Dương	09/08/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	7,5	Đạt
44	CNTT2974	Nguyễn Kính	Đảm	12/02/2000	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	Đạt
45	CNTT2975	Nguyễn Thế	Đạt	22/06/2003	Bắc Ninh	Nam	7,2	6,0	Đạt
46	CNTT2976	Trần Hùng	Đăng	06/11/2005	Tuyên Quang	Nam	6,2	5,5	Đạt
47	CNTT2977	Trần Danh	Hậu	18/02/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
48	CNTT2978	Nguyễn Văn	Hiệp	14/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,0	Đạt
49	CNTT2979	Nguyễn Đức	Hiếu	28/03/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,0	Đạt
50	CNTT2980	Nguyễn Hữu	Hoà	01/03/1996	Bắc Ninh	Nam	8,0	6,0	Đạt
51	CNTT2981	Trương Việt	Hoàn	28/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	Đạt
52	CNTT2982	Đào Bá	Hùng	20/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,0	Đạt
53	CNTT2983	Nguyễn Văn	Hùng	28/01/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
54	CNTT2984	Nguyễn Tiến	Huy	24/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt
55	CNTT2985	Vương Đức	Huy	24/08/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
56	CNTT2986	Lê Thị	Huyền	07/02/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	Đạt
57	CNTT2987	Thạch Thị Phương	Huyền	01/10/2005	Hà Nội	Nữ	6,2	5,5	Đạt
58	CNTT2988	Nguyễn Quốc	Hưng	22/12/2004	Bắc Giang	Nam	7,5	5,0	Đạt
59	CNTT2989	Phạm Văn	Hưng	08/01/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
60	CNTT2990	Nguyễn Gia	Khánh	30/12/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	Đạt
61	CNTT2991	Nguyễn Quốc	Khánh	16/08/2002	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	Đạt
62	CNTT2992	Lê Công	Khởi	27/06/2005	Thanh Hoá	Nam	6,7	5,5	Đạt
63	CNTT2993	Vương Hữu Anh	Kiệt	08/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
64	CNTT2994	Phạm Hoàng	Linh	08/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	Đạt
65	CNTT2995	Hoàng Văn	Luân	24/03/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	7,0	Đạt
66	CNTT2996	Nguyễn Bảo	Minh	14/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
67	CNTT2997	Trần Văn	Minh	25/01/2005	Bắc Ninh	Nam	7,7	6,0	Đạt
68	CNTT2999	Nguyễn Tiến	Phong	13/07/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,5	Đạt
69	CNTT3000	Nguyễn Tiến	Quân	10/05/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	Đạt
70	CNTT3001	Hồ Thị	Thủy	04/06/2002	Bắc Ninh	Nữ	6,0	7,0	Đạt
71	CNTT3002	Nguyễn Văn	Tới	29/01/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	Đạt
72	CNTT3003	Ngô Thế	Trí	29/08/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
73	CNTT3004	Nguyễn Văn	Tú	16/03/2000	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
74	CNTT3005	Nguyễn Văn Đức	Anh	14/12/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,5	Đạt
75	CNTT3006	Trần Danh Quốc	Anh	10/12/2003	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	Đạt
76	CNTT3007	Ngô Xuân	Công	22/10/2004	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,0	Đạt
77	CNTT3008	Nguyễn Quang	Cương	27/01/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,0	Đạt
78	CNTT3009	Hoàng Văn	Cường	25/03/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,0	Đạt
79	CNTT3010	Nguyễn Ngọc	Dự	02/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,0	Đạt
80	CNTT3011	Nguyễn Văn	Đại	06/08/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
81	CNTT3012	Đỗ Tiến	Đạt	29/06/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,5	Đạt
82	CNTT3013	Nguyễn Xuân	Diễn	03/07/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	Đạt
83	CNTT3014	Nguyễn Đăng	Hiền	09/01/2005	Lạng Sơn	Nam	6,5	6,5	Đạt
84	CNTT3015	Nguyễn Đức	Hiếu	23/12/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,5	Đạt

28

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
85	CNTT3016	Ngô Mạnh	Hoà	25/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
86	CNTT3017	Vũ Văn	Hoạt	13/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	Đạt
87	CNTT3018	Phạm Đình Quốc	Khánh	19/11/2003	Bắc Ninh	Nam	7,2	5,0	Đạt
88	CNTT3019	Nguyễn Trung	Kiên	20/02/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,0	Đạt
89	CNTT3020	Nguyễn Hữu	Long	27/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	Đạt
90	CNTT3021	Ngô Văn	Lợi	26/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	Đạt
91	CNTT3022	Nguyễn Thế	Mạnh	31/07/2003	Bắc Ninh	Nam	6,5	7,0	Đạt
92	CNTT3023	Nguyễn Quang	Minh	27/07/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	Đạt
93	CNTT3024	Nguyễn Duy	Nam	11/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
94	CNTT3025	Nguyễn Văn	Nam	06/12/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	7,0	Đạt
95	CNTT3026	Nguyễn Đắc	Phúc	11/08/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	Đạt
96	CNTT3027	Hoàng Văn	Phương	23/09/1994	Tuyên Quang	Nam	8,0	5,0	Đạt
97	CNTT3028	Phạm Văn	Quân	22/09/2005	Nghệ An	Nam	6,5	5,5	Đạt
98	CNTT3029	Đỗ Nguyên	Sinh	04/01/2002	Thanh Hoá	Nam	7,5	6,0	Đạt
99	CNTT3030	Nguyễn Ngọc	Sơn	30/10/2005	Hung Yên	Nam	6,2	5,0	Đạt
100	CNTT3031	Nguyễn Văn	Sơn	09/06/2005	Lào Cai	Nam	7,5	6,0	Đạt
101	CNTT3032	Nguyễn Bá	Thắng	18/11/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	7,5	Đạt
102	CNTT3033	Nguyễn Đức	Thuyền	13/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	Đạt
103	CNTT3034	Trịnh Xuân	Toán	22/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
104	CNTT3035	Nguyễn Trí	Trung	07/11/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	Đạt
105	CNTT3036	Phạm Văn	Trung	11/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
106	CNTT3037	Vũ Ngọc	Trường	16/08/2005	Hải Dương	Nam	7,5	6,0	Đạt
107	CNTT3038	Lê Quang	Tuấn	11/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	Đạt
108	CNTT3039	Hoàng Trung	Vĩ	22/07/2004	Cao Bằng	Nam	7,0	5,5	Đạt
109	CNTT3040	Phạm Quốc	Việt	12/07/2003	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
110	CNTT3041	Trần Tổng Ngọc	Vinh	17/05/2002	Bắc Giang	Nam	7,7	8,0	Đạt
111	CNTT3042	Nguyễn Thế	Anh	10/02/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	Đạt
112	CNTT3043	Khổng Minh	Ánh	22/08/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
113	CNTT3045	Nguyễn Văn	Chính	20/03/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
114	CNTT3046	Lưu Quang	Công	25/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	Đạt
115	CNTT3047	Hoàng Ngọc	Duy	17/05/2005	Tuyên Quang	Nam	7,5	6,5	Đạt
116	CNTT3048	Nguyễn Văn Việt	Đoàn	10/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
117	CNTT3049	Nguyễn Văn	Đức	04/12/2004	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	Đạt
118	CNTT3050	Nguyễn Văn	Giang	05/10/2004	Bắc Ninh	Nam	7,2	6,0	Đạt
119	CNTT3051	Nguyễn Ích	Hải	01/04/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
120	CNTT3052	Nguyễn Duy	Hiệp	02/06/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	Đạt
121	CNTT3053	Nguyễn Trung	Hiếu	13/03/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	Đạt
122	CNTT3054	Ngô Huy	Hiếu	08/08/2004	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	Đạt
123	CNTT3055	Nguyễn Hải	Hoàng	10/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
124	CNTT3056	Trần Văn	Hoàng	14/10/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
125	CNTT3057	Trần Việt	Hoàng	10/04/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	Đạt
126	CNTT3058	Nguyễn Hoà	Hùng	06/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	Đạt
127	CNTT3059	Nguyễn Văn	Hung	17/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	Đạt
128	CNTT3060	Nguyễn Văn	Khoa	21/05/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	Đạt
129	CNTT3061	Nguyễn Trung	Kiên	30/09/2005	Hà Giang	Nam	6,5	6,5	Đạt
130	CNTT3062	Trần Trung	Kiên	24/06/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,0	Đạt
131	CNTT3063	Nguyễn Hoàng	Lân	22/11/2001	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	Đạt
132	CNTT3064	Dương Văn	Lộc	12/06/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	Đạt
133	CNTT3065	Nguyễn Đăng	Lộc	27/04/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	Đạt
134	CNTT3066	Nguyễn Gia	Lộc	02/05/2005	Bắc Ninh	Nam	7,2	6,0	Đạt
135	CNTT3067	Nguyễn Thành	Lương	04/12/2004	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	Đạt
136	CNTT3068	Nguyễn Đức	Mạnh	20/04/1999	Bắc Ninh	Nam	7,7	7,5	Đạt
137	CNTT3069	Nguyễn Văn	Mạnh	10/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,0	Đạt
138	CNTT3070	Nguyễn Thanh	Minh	15/12/2001	Bắc Ninh	Nam	7,5	7,5	Đạt
139	CNTT3071	Đặng Hoài	Nam	31/07/2004	Tuyên Quang	Nam	7,0	8,0	Đạt
140	CNTT3072	Nguyễn Văn	Nam	13/01/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	Đạt
141	CNTT3073	Nguyễn Việt Út	Ngọc	23/07/2005	Hòa Bình	Nam	6,0	5,5	Đạt
142	CNTT3074	Hoàng Minh	Quang	28/09/2005	Lạng Sơn	Nam	6,0	6,5	Đạt

92

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
143	CNTT3075	Trương Văn	Quê	25/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
144	CNTT3076	Nguyễn Văn	Tân	15/09/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	7,0	Đạt
145	CNTT3077	Nguyễn Năng	Triển	03/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	7,5	Đạt
146	CNTT3078	Nguyễn Thế	Tuân	13/02/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt
147	CNTT3079	Nguyễn Minh	Anh	11/08/2007	Bắc Ninh	Nữ	7,5	5,5	Đạt
148	CNTT3080	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	31/08/2007	Bắc Ninh	Nữ	6,5	6,0	Đạt
149	CNTT3081	Võ Thị Phương	Anh	05/10/2007	Nghệ An	Nữ	6,0	5,5	Đạt
150	CNTT3082	Trịnh Thị	Bé	20/09/2007	Đắk Lắk	Nữ	7,2	6,0	Đạt
151	CNTT3083	Nguyễn Phương	Diễm	24/09/2007	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	Đạt
152	CNTT3084	Đỗ Việt	Dũng	17/07/1999	Bắc Ninh	Nam	8,0	8,0	Đạt
153	CNTT3085	Nguyễn Thuỳ	Dương	10/05/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,7	5,5	Đạt
154	CNTT3086	Nguyễn Thụ	Đạt	03/12/2001	Bắc Ninh	Nam	7,7	8,0	Đạt
155	CNTT3087	Phạm Thị Thu	Hiền	13/07/2007	Bắc Ninh	Nữ	6,5	6,5	Đạt
156	CNTT3088	Trịnh Thị Thu	Hiền	05/01/2007	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	Đạt
157	CNTT3089	Ninh Thị Phú	Hoà	05/10/2007	Nghệ An	Nữ	7,0	5,5	Đạt
158	CNTT3090	Vũ Thị	Huệ	06/10/2003	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	Đạt
159	CNTT3091	Chung Khánh	Linh	16/10/2007	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	Đạt
160	CNTT3092	Nguyễn Khánh	Linh	02/10/2007	Bắc Ninh	Nữ	7,5	5,5	Đạt
161	CNTT3093	Trần Hải	Linh	26/12/2007	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,0	Đạt
162	CNTT3094	Nguyễn Ngọc	Minh	30/12/2007	Bắc Ninh	Nữ	7,0	6,0	Đạt
163	CNTT3095	Nguyễn Văn	Nhật	24/05/2004	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	Đạt
164	CNTT3096	Nguyễn Yên	Nhi	03/05/2007	Ucraina	Nữ	6,0	5,5	Đạt
165	CNTT3097	Lâm Hoài	Như	24/08/2007	Bắc Giang	Nữ	6,0	7,0	Đạt
166	CNTT3098	Hàn Thị Kim	Oanh	12/11/2007	Bắc Ninh	Nữ	6,5	6,0	Đạt
167	CNTT3099	Nguyễn Kim	Oanh	12/08/2007	Bắc Ninh	Nữ	7,5	5,5	Đạt
168	CNTT3100	Nguyễn Đắc	Phương	12/07/2004	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	Đạt
169	CNTT3101	Nguyễn Minh	Quân	05/10/2004	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	Đạt
170	CNTT3102	Nguyễn Văn	Sơn	23/03/2003	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,5	Đạt
171	CNTT3103	Trần Văn	Tâm	28/04/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
172	CNTT3104	Nguyễn Minh	Tâm	01/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	Đạt
173	CNTT3105	Tạ Minh	Tâm	16/07/2005	Bắc Ninh	Nam	7,2	5,5	Đạt
174	CNTT3106	Trần Quang	Tâm	18/11/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	Đạt
175	CNTT3107	Hạ Thị	Thảo	18/09/2007	Hà Nội	Nữ	6,5	7,0	Đạt
176	CNTT3108	Nguyễn Thị	Thảo	23/02/2007	Bắc Ninh	Nữ	6,7	5,5	Đạt
177	CNTT3109	Nguyễn	Thuần	13/10/2005	Bình Dương	Nam	6,5	5,5	Đạt
178	CNTT3110	Nguyễn Thị	Thủy	10/02/2007	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	Đạt
179	CNTT3111	Nguyễn Bá	Toại	08/05/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
180	CNTT3112	Nguyễn Khánh	Toàn	16/07/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	Đạt
181	CNTT3113	Nguyễn Thế	Trung	27/11/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	Đạt
182	CNTT3114	Đỗ Văn	Trường	30/10/2004	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	Đạt
183	CNTT3115	Nguyễn Văn	Trường	30/11/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	Đạt
184	CNTT3116	Nguyễn Đức	Trường	16/02/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	Đạt
185	CNTT3117	Nguyễn Quang	Tú	16/05/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	6,0	Đạt
186	CNTT3118	Hoàng Đức	Tuấn	22/09/2007	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,5	Đạt
187	CNTT3119	Chu Văn	Anh	12/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
188	CNTT3120	Lê Công Tuấn	Anh	19/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	9,0	Đạt
189	CNTT3121	Lê Tuấn	Anh	18/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
190	CNTT3122	Nguyễn Quang	Anh	16/02/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	Đạt
191	CNTT3123	Diêm Đăng	Bích	29/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
192	CNTT3124	Nguyễn Văn	Chương	01/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	Đạt
193	CNTT3125	Nguyễn Tiến	Công	14/07/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	Đạt
194	CNTT3126	Nguyễn Ngọc	Doanh	03/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	Đạt
195	CNTT3127	Nguyễn Văn	Dũng	23/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	Đạt
196	CNTT3128	Trần Văn	Dũng	06/12/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	Đạt
197	CNTT3129	Đỗ Văn	Đạo	21/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	Đạt
198	CNTT3130	Nguyễn Thế	Điệp	21/04/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	Đạt
199	CNTT3131	Đào Minh	Đông	24/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	Đạt
200	CNTT3132	Đặng Xuân	Đức	28/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	Đạt

92

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
201	CNTT3133	Đỗ Trường	Giang	19/09/2005	Bắc Ninh	Nam	7,2	5,5	Đạt
202	CNTT3134	Nguyễn Văn	Hiệp	12/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
203	CNTT3135	Lê Văn	Hiếu	14/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	Đạt
204	CNTT3136	Dương Trọng	Huân	09/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	Đạt
205	CNTT3137	Ngô Việt	Hưng	24/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	Đạt
206	CNTT3138	Hoàng Duy	Khánh	07/10/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	Đạt
207	CNTT3139	Nguyễn Văn	Kiên	16/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
208	CNTT3140	Vũ Thị	Luyến	13/12/2007	Bắc Ninh	Nữ	7,0	5,5	Đạt
209	CNTT3141	Đỗ Văn	Lưu	08/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
210	CNTT3142	Hà Văn	Nam	05/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt
211	CNTT3143	Nguyễn Thế	Nam	11/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	Đạt
212	CNTT3144	Vũ Đình	Nam	03/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
213	CNTT3145	Nguyễn Hoàng	Phúc	26/05/2003	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	Đạt
214	CNTT3146	Nguyễn Văn	Quyền	30/10/1998	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	Đạt
215	CNTT3147	Dương Trung	Tâm	24/07/2004	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	Đạt
216	CNTT3148	Nguyễn Tùng	Thanh	16/09/2002	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
217	CNTT3149	Nguyễn Văn	Thanh	25/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	Đạt
218	CNTT3150	Phạm Văn	Thành	05/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	Đạt
219	CNTT3151	Thân Đức	Thiện	28/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	Đạt
220	CNTT3152	Nguyễn Đức	Toàn	02/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
221	CNTT3153	Chu Đình	Trí	17/07/1999	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	Đạt
222	CNTT3154	Diêm Công	Tuân	09/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
223	CNTT3155	Hoàng Đình	Tuân	09/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	Đạt
224	CNTT3156	Hoàng Công	Vĩ	30/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
225	CNTT3157	Hoàng Công	Xuân	13/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	Đạt
226	CNTT3158	Hoàng Văn	Xuyên	13/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 226./.

ph